

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần in và bao bì Mỹ Châu (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) hân hạnh trình bản báo cáo này và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên độc lập.

**1. Thông tin chung**

Công ty cổ phần in và bao bì Mỹ Châu (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) (tên giao dịch đối ngoại của Công ty viết tắt là MPC) là một Công ty cổ phần được thành lập ngày 10 tháng 12 năm 1998 theo quyết định số 207/1998/QĐ/BNN-TCCB của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 063372 ngày 5 tháng 3 năm 1999, đã đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 13 tháng 4 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngày 20 tháng 10 năm 2006, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp giấy chứng nhận đăng ký phát hành cổ phiếu ra công chúng số 61/UBCK-ĐKNY cho Công ty (Mã chứng khoán : MCP).

Ngày 18 tháng 12 năm 2006, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp giấy phép niêm yết cổ phiếu số 115/UBCK-GPNY cho Công ty.

**2. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc**

Danh sách các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm :

***Hội đồng Quản trị***

Ông NGUYỄN VĂN THÀNH	Chủ tịch
Ông TRỊNH HỮU MINH	Phó chủ tịch / Giám đốc Công ty
Ông NGUYỄN QUÍ	Thành viên
Ông TRẦN GIANG SƠN	Thành viên
Ông NGUYỄN ÁNH LUYỆN	Thành viên

***Ban Kiểm soát***

Ông TRẦN THANH TÙNG	Trưởng ban
Ông NGUYỄN CHÍ HIẾU	Thành viên
Bà NGUYỄN THỊ HIẾU	Thành viên

***Ban Giám đốc***

Ông TRỊNH HỮU MINH	Giám đốc
Ông NGUYỄN QUÍ	Phó Giám đốc

**3. Trụ sở**

Trụ sở và nhà xưởng của Công ty đặt tại số 18 đường Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

**4. Các hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh : In, tráng verni trên sắt lá, sản xuất gia công các loại bao bì bằng kim loại; kinh doanh các loại sắt lá, nhôm lá (dạng cuộn, dạng tờ), các loại vật tư, hóa chất sử dụng công nghệ in trên sắt lá; các hoạt động dịch vụ khác : mua bán các loại máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế dùng trong các lĩnh vực in, tráng verni trên sắt lá; sản xuất các loại bao bì bằng kim loại và sản xuất các loại sắt lá; dịch vụ cho thuê sân bãi, nhà xưởng kho tàng thuộc quyền sử dụng và quyền sở hữu của Công ty.

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

**5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

**6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ**

Đến ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

**7. Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính kế toán (AFC) được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho năm kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty.

**8. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**9. Phê duyệt báo cáo tài chính**

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm. Báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày.

**Thay mặt Hội đồng Quản trị**

**TRỊNH HỮU MINH**  
**Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 3 năm 2009*

TP. Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 3 năm 2009

Số : 00149.HCM/178.08

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008  
của Công ty cổ phần in và bao bì Mỹ Châu

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị và Các thành viên Ban Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần in và bao bì Mỹ Châu (“Công ty”) bao gồm : bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 4 đến trang 21 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán.

### **Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc Báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Cuộc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng cuộc kiểm toán của chúng tôi đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên phương diện trọng yếu thì các báo cáo tài chính đính kèm theo đây, đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty cổ phần in và bao bì Mỹ Châu, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**NGUYỄN THỊ THANH**  
Giám đốc kiểm toán  
Chứng chỉ KTV số 0185/KTV

**TRẦN THỊ MAI HƯƠNG**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ KTV số 0417/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>115,472,803,658</b>	<b>142,909,067,773</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>1,161,743,623</b>	<b>47,747,834,723</b>
Tiền	111		1,161,743,623	47,747,834,723
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	5.2	<b>21,514,643,384</b>	<b>20,710,495,462</b>
Phải thu khách hàng	131		21,786,227,650	21,070,829,217
Trả trước cho người bán	132		191,745,800	-
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ KH hợp đồng XD	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135		330,945,891	433,942,202
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(794,275,957)	(794,275,957)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.3	<b>92,530,693,600</b>	<b>72,156,253,162</b>
Hàng tồn kho	141		92,530,693,600	72,156,253,162
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>265,723,051</b>	<b>2,294,484,426</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4,817,100	1,488,857,491
Thuế GTGT được khấu trừ	152		64,389,076	471,766,935
Các khoản thuế phải thu	154	5.4	63,916,875	204,150,000
Tài sản ngắn hạn khác	158		132,600,000	129,710,000

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>89,313,296,060</b>	<b>83,949,275,273</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>88,323,296,060</b>	<b>81,977,275,273</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	88,323,296,060	18,753,066,824
- Nguyên giá	222		178,704,240,619	98,504,493,063
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(90,380,944,559)	(79,751,426,239)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	63,224,208,449
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.6	<b>990,000,000</b>	<b>1,972,000,000</b>
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư dài hạn khác	258		1,972,000,000	1,972,000,000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(982,000,000)	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	-
Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>204,786,099,718</b>	<b>226,858,343,046</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính : VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>81,280,477,547</b>	<b>162,263,680,957</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>35,414,093,169</b>	<b>111,340,323,692</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311	5.7	16,085,232,301	46,117,994,974
Phải trả cho người bán	312	5.8	7,208,743,190	7,045,009,224
Người mua trả tiền trước	313		4,612,171	227,587,965
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	5.9	1,599,996,945	1,066,832,895
Phải trả người lao động	315		2,163,460,872	2,379,843,932
Chi phí phải trả	316	5.10	330,326,420	157,823,932
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng XD	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	5.11	8,021,721,270	54,345,230,770
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>45,866,384,378</b>	<b>50,923,357,265</b>
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333		-	-
Vay và nợ dài hạn	334	5.12	45,850,940,686	50,907,913,573
Thuế thu nhận hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		15,443,692	15,443,692
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	5.13	<b>123,505,622,171</b>	<b>64,594,662,089</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>122,749,554,898</b>	<b>63,802,164,670</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		52,953,240,000	30,000,000,000
Thặng dư vốn cổ phần	412		40,080,701,449	9,526,603,285
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		(313,480,000)	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		14,325,785,804	11,717,234,426
Quỹ dự phòng tài chính	418		2,482,412,109	1,958,466,508
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		121,284,750	120,948,429
Lợi nhuận chưa phân phối	420		13,099,610,786	10,478,912,022
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>756,067,273</b>	<b>792,497,419</b>
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		756,067,273	792,497,419
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>204,786,099,718</b>	<b>226,858,343,046</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**Ngày 31 tháng 12 năm 2008**

<b>CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2008</b>	<b>01/01/2008</b>
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
Ngoại tệ các loại			
- USD		0.80	1,078.19
- EUR		-	64.66
- SGD		0.34	0.34
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

---

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 3 năm 2009*

**GIÁM ĐỐC**

**VÕ NGỌC HUỖNH THƯ**

**TRỊNH HỮU MINH**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
**Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008**

Đơn vị tính : VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2008</b>	<b>2007</b>
<b>Tổng doanh thu</b>	01		<b>208,063,647,944</b>	<b>166,016,815,468</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		409,594,765	157,913,319
<b>Doanh thu thuần</b>	10	6.1	<b>207,654,053,179</b>	<b>165,858,902,149</b>
Giá vốn hàng bán	11	6.2	164,346,977,946	143,658,287,659
<b>Lợi nhuận gộp</b>	20		<b>43,307,075,233</b>	<b>22,200,614,490</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.1	848,946,415	981,008,595
Chi phí tài chính	22	6.3	11,413,912,254	2,117,739,375
- Trong đó: lãi vay	23		5,629,702,150	1,974,170,252
Chi phí bán hàng	24	6.4	4,912,644,422	3,519,543,711
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.5	6,772,660,163	5,912,944,065
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	30		<b>21,056,804,809</b>	<b>11,631,395,934</b>
Thu nhập khác	31	6.6	733,932,556	429,375,136
Chi phí khác	32		660,945,785	176,257,736
<b>Lợi nhuận khác</b>	40		<b>72,986,771</b>	<b>253,117,400</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	50		<b>21,129,791,580</b>	<b>11,884,513,334</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	2,753,214,794	1,405,601,312
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	60		<b>18,376,576,786</b>	<b>10,478,912,022</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ			4,739,113	3,000,000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		6.8	<b>3,878</b>	<b>3,493</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 3 năm 2009

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**GIÁM ĐỐC**

**VÕ NGỌC HUỲNH THƯ**

**TRỊNH HỮU MINH**



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính : VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2008	2007
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>21,129,791,580</b>	<b>11,884,513,334</b>
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	11,199,865,324	8,718,352,785
- Các khoản dự phòng	03	982,000,000	-
- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	128,668,306	(711,473,683)
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(278,070,176)	6,476,730
- Chi phí lãi vay	06	5,629,702,150	1,974,170,252
<b>Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>38,791,957,184</b>	<b>21,872,039,418</b>
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(399,660,063)	(3,351,852,309)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(20,374,440,438)	(26,033,821,950)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(5,125,834,521)	1,758,970,622
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	1,484,040,391	(1,332,754,416)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(5,629,702,150)	(1,974,170,252)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2,026,506,553)	(859,702,323)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1,908,872,504)	(733,275,093)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>4,810,981,346</b>	<b>(10,654,566,303)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(14,556,236,411)	(65,032,711,204)
Tiền thu thanh lý, bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	56,209,091	46,363,700
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(1,972,000,000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	221,861,085	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(14,278,166,235)</b>	<b>(66,958,347,504)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của CSH	31	2,493,664,000	45,552,397,800
Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32	(313,480,000)	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	82,039,563,692	167,703,621,977
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(117,129,098,903)	(87,841,282,194)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4,209,555,000)	(1,738,701,553)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(37,118,906,211)</b>	<b>123,676,036,030</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỶ</b>	<b>50</b>	<b>(46,586,091,100)</b>	<b>46,063,122,223</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỶ</b>	<b>60</b>	<b>47,747,834,723</b>	<b>1,684,712,500</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỶ</b>	<b>70</b>	<b>1,161,743,623</b>	<b>47,747,834,723</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 3 năm 2009

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

VÕ NGỌC HUỲNH THƯ

TRỊNH HỮU MINH

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

Công ty cổ phần in và bao bì Mỹ Châu (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) (tên giao dịch đối ngoại của Công ty viết tắt là MPC) là một công ty cổ phần được thành lập ngày 10 tháng 12 năm 1998 theo quyết định số 207/1998/QĐ/BNN-TCCB của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 063372 ngày 5 tháng 3 năm 1999, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 13 tháng 4 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngày 20 tháng 10 năm 2006, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp giấy chứng nhận đăng ký phát hành cổ phiếu ra công chúng số 61/UBCK-ĐKNY cho Công ty (Mã chứng khoán : MCP).

Ngày 18 tháng 12 năm 2006, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp giấy phép niêm yết cổ phiếu số 115/UBCK-GPNY cho Công ty.

Trụ sở và nhà xưởng của Công ty đặt tại số 18 đường Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

Ngành nghề kinh doanh : In, tráng verni trên sắt lá, sản xuất gia công các loại bao bì bằng kim loại; kinh doanh các loại sắt lá, nhôm lá (dạng cuộn, dạng tờ), các loại vật tư, hóa chất sử dụng công nghệ in trên sắt lá; các hoạt động dịch vụ khác : mua bán các loại máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế dùng trong các lĩnh vực in, tráng verni trên sắt lá; sản xuất các loại bao bì bằng kim loại và sản xuất các loại sắt lá; dịch vụ cho thuê sân bãi, nhà xưởng kho tàng thuộc quyền sử dụng và quyền sở hữu của Công ty.

**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG**

**4.1 Quy ước kế toán chung**

Các báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng một cách nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

**4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch tại ngày phát sinh nghiệp vụ kinh tế. Lãi (lỗ) do chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ trên được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trong kỳ.

Các tài sản bằng tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá tại ngày lập Bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại sẽ được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trong kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

**4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá 3 tháng.

**4.4 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**4.5 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên;

Chi phí nguyên vật liệu bao gồm giá mua cộng chi phí liên quan;

Giá nguyên vật liệu xuất kho được áp dụng theo phương pháp bình quân gia quyền;

Giá thành thành phẩm bao gồm nguyên vật liệu trực tiếp, tiền lương công nhân trực tiếp và chi phí quản lý phân xưởng.

Khi cần thiết thì việc lập dự phòng được thực hiện cho hàng tồn kho bị giảm giá, lỗi thời, chậm luân chuyển và hư hỏng.

**4.6 Tài sản cố định**

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xoá sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của tài sản như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc	25 - 50 năm
Máy móc thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5 năm

**4.7 Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

**4.8 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận vào chi phí phát sinh nhưng thực tế chưa chi trả trong kỳ này và phải được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

**4.9 Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế**

Công ty trích bảo hiểm xã hội dựa trên lương cơ bản như sau : Bảo hiểm xã hội được trích vào chi phí là 15% và 5% trừ lương công nhân viên.

Công ty trích bảo hiểm y tế dựa trên lương cơ bản như sau : Bảo hiểm y tế được trích vào chi phí là 2% và 1% trừ lương công nhân viên.

**4.10 Doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

**4.11 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp: Thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm được tính bằng 25% lợi nhuận thu được.

Theo quy định của Nhà nước, các công ty cổ phần niêm yết trên thị trường chứng khoán trước ngày 01 tháng 01 năm 2007 sẽ được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ khi thực hiện việc niêm yết, và Công ty đã chọn năm 2007 và năm 2008 là 2 năm được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**5.1 Tiền**

	<b>31/12/2008</b>	<b>01/01/2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt – VND	543.369.089	1.450.528.770
Tiền gửi ngân hàng – VND	618.356.859	46.278.523.399
Tiền gửi ngân hàng – USD	13.646	17.261.822
Tiền gửi ngân hàng – EUR	-	1.516.988
Tiền gửi ngân hàng – SGD	4.029	3.744
	<b>1.161.743.623</b>	<b>47.747.834.723</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

**5.2 Các khoản phải thu ngắn hạn**

	<b>31/12/2008</b>		<b>01/01/2008</b>
	<b>VND</b>		<b>VND</b>
Phải thu thương mại	21.786.227.650	(a)	21.070.829.217
Ứng trước cho nhà cung cấp	191.745.800		-
Phải thu khác	330.945.891	(b)	433.942.202
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(794.275.957)	(c)	(794.275.957)
	<b>21.514.643.384</b>		<b>20.710.495.462</b>

(a) Đây là khoản phải thu tiền bán hàng từ hoạt động kinh doanh bình thường của Công ty, trong đó có 1.134.679.938 VND là khoản phải thu khó đòi và đã được lập dự phòng (xem điểm (c) dưới đây).

(b) Chi tiết khoản phải thu khác bao gồm :

	<b>31/12/2008</b>		<b>01/01/2008</b>
Bảo hiểm xã hội phải thu công nhân viên	4.317.891		19.577.430
Thuế thu nhập cá nhân phải thu	-		36.373.136
Cho Công ty CP XNK Rau Quả mượn tiền	276.628.000		276.628.000
Chi phí phát hành thêm cổ phiếu	-		91.363.636
Phải thu khác	50.000.000		10.000.000
	<b>330.945.891</b>		<b>433.942.202</b>

(c) Chi tiết khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi bao gồm :

	<i>Số dư</i>	<i>Tỷ lệ</i>	<i>Số lập</i>
	<i>31/12/2008</i>	<i>dự phòng</i>	<i>dự phòng</i>
Xí nghiệp chế biến thực phẩm Meko	803.809.395	70%	562.666.577
Công ty TNHH bao bì Sanmiguel Phú Thọ	330.870.543	70%	231.609.380
	<b>1.134.679.938</b>		<b>794.275.957</b>

**5.3 Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2008</b>		<b>01/01/2008</b>
	<b>VND</b>		<b>VND</b>
Nguyên vật liệu tồn kho	86.034.022.558		68.463.278.598
- Sắt lá	81.008.152.287		62.707.859.909
- Hóa chất	4.280.065.275		4.536.764.256
- Vật liệu phụ	14.354.418		13.936.417
- Nhiên liệu	227.435.058		204.844.725
- Phụ tùng thay thế	504.015.520		999.873.291
Công cụ dụng cụ trong kho	129.808.702		193.854.998
Thành phẩm	2.024.694.333		1.583.164.197
Hàng hóa	4.342.168.007		1.915.955.369
	<b>92.530.693.600</b>		<b>72.156.253.162</b>

Trong đó, giá trị hàng tồn kho tương đương với 1.600.000 USD được dùng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng Hồng Kông – Thượng Hải – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

**5.4 Thuế phải thu**

	<b>31/12/2008</b>	<b>01/01/2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền thuê đất (nộp trước)	63.916.875	204.150.000

**5.5 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	<i>Nhà cửa vật kiến trúc VND</i>	<i>Máy móc thiết bị VND</i>	<i>Phương tiện vận tải VND</i>	<i>Dụng cụ quản lý VND</i>	<i>Tài sản khác VND</i>	<i>Cộng VND</i>
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư 01/01/2008	8.524.840.750	86.818.050.043	2.407.767.245	486.403.282	267.431.743	98.504.493.063
- Mua trong kỳ	-	80.103.892.502	634.702.058	31.500.000	-	80.770.094.560
- Thanh lý	-	(501.531.864)	(25.500.000)	(43.315.140)	-	(570.347.004)
Số dư 31/12/2008	8.524.840.750	166.420.410.681	3.016.969.303	474.588.142	267.431.743	178.704.240.619
<b>Khấu hao lũy kế</b>						
Số dư 01/01/2008	8.132.360.700	69.262.982.722	1.642.759.979	445.891.095	267.431.743	79.751.426.239
- Khấu hao trong năm	223.993.558	10.652.077.303	309.153.713	14.640.750	-	11.199.865.324
- Thanh lý	-	(501.531.864)	(25.500.000)	(43.315.140)	-	(570.347.004)
Số dư 31/12/2008	8.356.354.258	79.413.528.161	1.926.413.692	417.216.705	267.431.743	90.380.944.559
<b>Giá trị còn lại</b>						
Ngày 01/01/2008	392.480.050	17.555.067.321	765.007.266	40.512.187	-	18.753.066.824
Ngày 31/12/2008	<b>168.486.492</b>	<b>87.006.882.520</b>	<b>1.090.555.611</b>	<b>57.371.437</b>	-	<b>88.323.296.060</b>

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ đã dùng thế chấp, cầm cố cho các khoản vay là 85.289.290.127 VND.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 58.413.045.993 VND.

**5.6 Đầu tư dài hạn khác**

	<b>31/12/2008</b>	<b>01/01/2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Mua 50.000 cổ phiếu Công ty CP Càng Rau quả (chiếm 0,79% vốn điều lệ của Công ty này)	1.972.000.000	1.972.000.000
Dự phòng giảm giá cổ phiếu của Công ty CP Càng Rau quả	(982.000.000)	-
	<b>990.000.000</b>	<b>1.972.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

**5.7 Vay và nợ ngắn hạn**

	<b>31/12/2008</b>		<b>01/01/2008</b>
	<b>VND</b>		<b>VND</b>
Vay tại Ngân hàng BIDV	424.425.001	(a)	33.982.190.641
Vay tại Ngân hàng HSBC	2.439.779.800	(b)	7.043.119.393
Vay cá nhân	4.092.313.643	(c)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	9.128.713.857	(d)	5.092.684.940
	<b>16.085.232.301</b>		<b>46.117.994.974</b>

(a) 25.000,00 USD (tương đương với 424.425.001 VND) là khoản vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 00310/2008/0000004 ngày 02/01/2008 với hạn mức tín dụng là 50 tỷ VND để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, lãi suất vay hiện hành là 5%/năm. Hình thức bảo đảm tiền vay là không có bảo đảm bằng tài sản và hình thức bảo đảm bổ sung là cầm cố các tài sản hình thành từ các khoản vay trung dài hạn và toàn bộ số dư tiền gửi.

(b) 2.439.779.800 VND là khoản vay từ Ngân hàng Hồng Kông - Thượng Hải (HSBC) – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo thư cung cấp tiện ích ngày 09/05/08 với hạn mức 1.500.000 USD hoặc tương đương bằng VND để mở thư tín dụng và nhập khẩu. Hình thức bảo đảm tiền vay là thế chấp giá trị hàng tồn kho tại kho có giá trị không thấp hơn 1.600.000 USD hoặc không thấp hơn 100% tổng dư nợ tại mọi thời điểm theo hợp đồng thế chấp số VNMCDT 080312/MS ngày 10/06/2008.

(c) Đây là khoản huy động vốn từ cán bộ công nhân viên trong Công ty để bổ sung vốn lưu động, lãi suất huy động là lãi suất tiết kiệm 01 tháng của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam cộng 2,5%/năm.

(d) Các khoản nợ dài hạn đến hạn trả (xem chi tiết tại mục 5.12 dưới đây).

**5.8 Phải trả người bán**

	<b>31/12/2008</b>		<b>01/01/2008</b>
	<b>VND</b>		<b>VND</b>
Phải trả cho người bán trong nước	1.043.936.111		1.044.406.951
Phải trả cho người bán nước ngoài	6.164.807.079		6.000.602.273
	<b>7.208.743.190</b>		<b>7.045.009.224</b>

**5.9 Thuế phải nộp**

	<b>31/12/2008</b>		<b>01/01/2008</b>
	<b>VND</b>		<b>VND</b>
Thuế nhập khẩu	34.681.232		196.529.326
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.555.307.061		828.598.820
Thuế thu nhập cá nhân	10.008.652		41.704.749
	<b>1.599.996.945</b>		<b>1.066.832.895</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

**5.10 Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2008</b>	<b>01/01/2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí hoa hồng phải trả	330.326.420	157.823.932

**5.11 Phải trả khác**

	<b>31/12/2008</b>	<b>01/01/2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	160.753.428	25.836.727
Thu tiền phát hành thêm cổ phiếu	600.000	45.552.397.800
Khách hàng ký quỹ mua hàng	6.750.431.706	8.736.513.942
Cổ tức phải trả	1.098.820.447	19.649.447
Các khoản phải trả khác	11.115.689	10.832.854
	<b>8.021.721.270</b>	<b>54.345.230.770</b>

**5.12 Vay dài hạn**

	<b>31/12/2008</b>	<b>01/01/2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay dài hạn tại Ngân hàng BIDV	54.979.654.543	56.000.598.513
Trừ : Nợ dài hạn đến hạn trả	(9.128.713.857)	(5.092.684.940)
	<b>45.850.940.686</b>	<b>50.907.913.573</b>

Đây là các khoản vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền là 3.010.890,75 USD (tương đương 51.115.892.263 VND) và 3.863.762.280 VND, thời hạn vay theo các hợp đồng từ 48 tháng đến 72 tháng để mua sắm máy móc thiết bị đầu tư các dự án của Công ty.

Điều kiện đảm bảo nợ vay : Các tài sản được đầu tư bằng vốn vay là tài sản đảm bảo nợ vay của Ngân hàng cho đến khi trả hết nợ vay. Trong thời hạn chưa trả hết nợ vay Công ty không được dùng tài sản được đầu tư bằng vốn vay của Ngân hàng để thế chấp, cầm cố cho một tổ chức khác.

Theo lịch trả nợ, các khoản vay đến hạn trả trong năm 2009 là 9.128.713.857 VND.



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

**5.13 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu và các quỹ**

**5.13.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu và các quỹ**

	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần VND</i>	<i>Cổ phiếu quỹ VND</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển VND</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính VND</i>	<i>Quỹ khác VND</i>	<i>Quỹ khen thưởng phúc lợi VND</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối VND</i>	<i>Cộng VND</i>
<b>Năm trước</b>									
Số dư 01/01/2007	30.000.000.000	9.526.603.285	-	11.021.869.202	1.709.663.571	-	751.030.368	3.588.858.733	56.598.025.159
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	10.478.912.022	10.478.912.022
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	695.365.224	248.802.937	149.281.762	746.408.811	(1.839.858.734)	-
Chi cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(1.749.000.000)	(1.749.000.000)
Chi sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	(28.333.333)	(704.941.760)	1	733.275.092
<b>Số dư 31/12/2007</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>9.526.603.285</b>	<b>-</b>	<b>11.717.234.426</b>	<b>1.958.466.508</b>	<b>120.948.429</b>	<b>792.497.419</b>	<b>10.478.912.022</b>	<b>64.594.662.089</b>
<b>Năm nay</b>									
Số dư 01/01/2008	30.000.000.000	9.526.603.285	-	11.717.234.426	1.958.466.508	120.948.429	792.497.419	10.478.912.022	64.594.662.089
Phát hành thêm cổ phiếu	17.400.000.000	30.645.461.800	-	-	-	-	-	-	48.045.461.800
Chi cổ tức bằng cổ phiếu	5.553.240.000	-	-	-	-	-	-	(5.553.240.000)	-
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(313.480.000)	-	-	-	-	-	(313.480.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	18.376.576.786	18.376.576.786
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	2.608.551.378	523.945.601	209.578.240	1.571.836.803	(4.913.912.022)	-
Chi cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	-	-	(5.288.726.000)	(5.288.726.000)
Chi sử dụng quỹ	-	(91.363.636)	-	-	-	(209.241.919)	(1.608.266.949)	-	(1.908.872.504)
<b>Số dư 31/12/2008</b>	<b>52.953.240.000</b>	<b>40.080.701.449</b>	<b>(313.480.000)</b>	<b>14.325.785.804</b>	<b>2.482.412.109</b>	<b>121.284.750</b>	<b>756.067.273</b>	<b>13.099.610.786</b>	<b>123.505.622.171</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

**5.13 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu và các quỹ (tiếp theo)**

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2007, các cổ đông đã thông qua trong việc tăng vốn điều lệ từ 30 tỷ VND lên 49,5 tỷ VND. Việc phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn tiến hành trong năm 2007 và đã được hoàn tất vào ngày 4 tháng 1 năm 2008.

Ngày 5 tháng 7 năm 2008, theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông bất thường, các cổ đông đã thông qua việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu và tăng vốn điều lệ lên 52.953.240.000 VND. Hiện nay, Công ty đang lập thủ tục thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho việc tăng vốn điều lệ lên 52.953.240.000 VND.

- Cổ phiếu quỹ : trong năm 2008, Công ty đã mua lại 18.358 cổ phiếu với giá trị là 313.480.000 VND
- Quỹ đầu tư phát triển trong năm tăng 2.608.551.378 VND từ phân phối lợi nhuận của năm 2007.
- Quỹ dự phòng tài chính trong năm tăng 523.945.601 VND từ phân phối lợi nhuận của năm 2007.
- Quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm tăng 1.571.836.803 VND từ phân phối lợi nhuận của năm 2007.
- Quỹ khác (quỹ khen thưởng Hội đồng Quản trị) trong năm tăng 209.578.240 VND từ phân phối lợi nhuận của năm 2007.

**5.13.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	<b>2008</b>	<b>2007</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	30.000.000.000	30.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	22.953.240.000	-
+ Vốn góp cuối năm	52.953.240.000	30.000.000.000
Trừ : Cổ phiếu quỹ (theo mệnh giá)	(183.580.000)	-
Vốn đầu tư của chủ sở hữu (cổ phiếu đang lưu hành)	52.769.660.000	30.000.000.000
Đã chi trả cổ tức trong năm	9.762.795.000	1.738.701.553
Trong đó :		
- Chi trả bằng cổ phiếu	5.553.240.000	-
- Chi trả bằng tiền	4.209.555.000	1.738.701.553

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

**5.13 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu và các quỹ (tiếp theo)**

**5.13.3 Cổ phiếu phổ thông**

	<b>2008</b>	<b>2007</b>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	5.295.324	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành trong năm	2.295.324	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(18.358)	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.276.966	3.000.000
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng	10.000 đồng

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**6.1 Doanh thu**

	<b>2008</b>	<b>2007</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<i><b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b></i>		
- Doanh thu bán thành phẩm	161.161.530.715	133.094.655.361
- Doanh thu gia công	34.966.733.510	22.027.430.857
- Bán phế liệu	8.847.443.219	7.918.590.272
- Doanh thu cho thuê mặt bằng	3.087.940.500	2.976.138.978
Cộng	208.063.647.944	166.016.815.468
Trừ : Các khoản giảm trừ doanh thu	(409.594.765)	(157.913.319)
<i><b>Doanh thu thuần</b></i>	<b><u>207.654.053.179</u></b>	<b><u>165.858.902.149</u></b>

	<b>2008</b>	<b>2007</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<i><b>Doanh thu hoạt động tài chính</b></i>		
Lãi tiền gửi ngân hàng	60.354.934	76.299.069
Cổ tức nhận được	120.000.000	-
Lãi cho vay	101.861.085	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	566.730.396	904.709.526
	<b><u>848.946.415</u></b>	<b><u>981.008.595</u></b>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	<b>2008</b>	<b>2007</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn xuất bán thành phẩm	126.838.786.715	120.085.936.476
Giá vốn gia công	28.660.748.012	15.653.760.911
Giá vốn phế liệu	8.847.443.219	7.918.590.272
	<b><u>164.346.977.946</u></b>	<b><u>143.658.287.659</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

**6.3 Chi phí tài chính**

	<b>2008</b>	<b>2007</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	5.629.702.150	1.974.170.252
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.802.210.104	143.569.123
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	982.000.000	-
	<b>11.413.912.254</b>	<b>2.117.739.375</b>

**6.4 Chi phí bán hàng**

	<b>2008</b>	<b>2007</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Khấu hao tài sản	227.780.462	156.497.784
Vật liệu bao bì, công cụ dụng cụ	2.155.674.606	1.437.968.830
Nhiên liệu	370.713.039	178.218.567
Chi phí hoa hồng	1.528.523.020	1.081.294.030
Chi phí vận chuyển	166.668.630	385.388.163
Chi phí khác	463.284.665	280.176.337
	<b>4.912.644.422</b>	<b>3.519.543.711</b>

**6.5 Chi phí quản lý**

	<b>2008</b>	<b>2007</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên quản lý	3.514.090.136	3.297.112.408
Chi phí vật dụng văn phòng	175.961.971	133.381.294
Khấu hao tài sản	164.873.380	217.975.870
Tiền thuê đất	1.224.900.000	1.224.900.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	953.422.333	660.349.978
Chi phí khác	739.412.343	379.224.515
	<b>6.772.660.163</b>	<b>5.912.944.065</b>

**6.6 Thu nhập khác**

	<b>2008</b>	<b>2007</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thu thanh lý tài sản cố định	56.209.091	46.363.700
Thu bồi thường	228.748.317	151.332.954
Thu nhập khác	448.975.148	231.678.482
	<b>733.932.556</b>	<b>429.375.136</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

**6.7 Chi phí khác**

	<b>2008</b>	<b>2007</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	-	52.840.430
Chi bồi thường	624.854.156	9.718.954
Chi phí khác	36.091.629	113.698.352
	<b>660.945.785</b>	<b>176.257.736</b>

**6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) như đã nêu tại phần 4.11 của thuyết minh này.

	<b>2008</b>	<b>2007</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận trước thuế theo kế toán	21.129.791.580	11.884.513.334
Cộng các khoản làm tăng lợi nhuận tính thuế	894.068.286	85.471.328
Trừ các khoản làm giảm lợi nhuận tính thuế	(536.507)	(725.174.169)
<b>Lợi nhuận tính thuế</b>	<b>22.023.323.359</b>	<b>11.244.810.493</b>
Thuế suất (25% x 50%)	12,50%	12,50%
Dự trừ thuế TNDN phải nộp năm nay	2.752.915.420	1.405.601.312
Trích bổ sung thuế TNDN năm trước	299.374	-
<b>Cộng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>2.753.214.794</b>	<b>1.405.601.312</b>

**6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>2008</b>	<b>2007</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	18.376.576.786	10.478.912.022
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	18.376.576.786	10.478.912.022
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.739.113	3.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>3.878</b>	<b>3.493</b>

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 3 năm 2009*

**GIÁM ĐỐC**

**VÕ NGỌC HUỖNH THU**

**TRỊNH HỮU MINH**